

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 12: từ ngày 03/11/2025 đến ngày 09/11/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 Vi sinh vật học TY (Duyên) 3	Quản trị kinh doanh (Hoa) 4	Luật thú y (Nga) 4	Phương pháp thí nghiệm (Hằng) 4	
K11-DVTY P.E203	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 CĐ và ĐTH thú y (Vân) 3	KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4	Phương pháp thí nghiệm (Phượng) 4	Vi sinh vật học TY (Duyên) 4	
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kỹ năng mềm (Dung) 4	Anh văn CN (Phiên) 4	Lý thuyết KT (Q.Mai) 4	Anh văn CN (Phiên) 4	
	Chiều			Thống kê DN (Thuý) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B102	Sáng					Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 Cây dược liệu (Bình) 3	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	Cây rau (Huệ) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 GD chính trị (Quế) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	Tin học (Thoa) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4
	Chiều					
TT65A3 P.B306	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 GD chính trị (Quế) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	Tin học (Thoa) 4
	Chiều	Các môn GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1				
CN64A1 P.E202	Sáng					KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 4
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 4	
CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1 Dược lý thú y (Lệ) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	GP sinh lý vật nuôi (Hằng) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GD chính trị (Tài) 2
	Chiều					
CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 KTTG (Nga) 4	Pháp luật (Nga) 2 GDTC (Hội) 2	DD và thức ăn CN (Quyên) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4
	Chiều					

CN65A4 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1 Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	GD chính trị (Quế) 2 GDTC (Hà) 2	KTTG (Nga) 4
	Chiều					
LN65A P.Hội thảo	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 GD chính trị (Quế) 4	Đất và phân bón (Hương) 4	An toàn lao động (Hùng) 4	Tin học (Thoa) 4	Đo đạc (Tuyết) 4
		<i>Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp TT65A1</i>				
KTDN64A1 P.E203	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> 1 KTNS xã phường (Hoa) 3	Thông kê doanh nghiệp (Thuý) 4	Thuê (P.Thảo) 4	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4	
KTDN64A2 P.E304	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kế toán DN 2 (Dung) 3	Kế toán DN 2 (Dung) 4	Thông kê doanh nghiệp (Thuý) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> 1 Kỹ năng mềm (Dung) 4	Kinh tế vi mô (Thuý) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Lý thuyết KT (Q.Mai) 4	Nguyên lý thống kê (Hoa) 4
	Chiều					
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> 1 Lý thuyết KT (P.Thảo) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GDKT và PL (Thắm) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Lý thuyết KT (P.Thảo) 2 Pháp luật (Huyền) 2	Kỹ năng mềm (Sơn) 2 GDTC (Quang) 2
	Chiều			Nguyên lý thống kê (Hoa) 4		
CNTT64A1 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> 1 XD và QL Website (Quang) 3	XD phần mềm QL BH (Hà) 4	HĐH Windown server (Trường) 4	QTCS DL với Access (Phương) 4	
CNTT64A2 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 QTCS DL với Access (Phương) 3	XD và QL Website (Quang) 4	XD phần mềm QL BH (Hà) 4	Lập trình Windown (Thảo) 4	
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> 1 Bảng tính Excel (Hà) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Kỹ năng mềm (Sơn) 2 Pháp luật (Huyền) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 4	GD chính trị (Thắm) 2 Pháp luật (Huyền) 2
	Chiều		GDTC (Thuý) 4			
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> 1 Tin học VP (Phương) 4	GD chính trị (Quế) 4	Pháp luật (Huyền) 2 Kỹ năng mềm (Sơn) 2	Tiếng anh (Linh) 2 Kỹ năng mềm (Sơn) 2	Bảng tính Excel (Hà) 4
	Chiều			Tiếng anh (Linh) 4		
ĐCN64A1 P.E103	Sáng		Cung cấp điện (Tuấn) 4			
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> 1 Cung cấp điện (Tuấn) 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	Trang bị điện (Nga) 4	
ĐCN64A2 P.E104	Sáng		KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4			
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	Cung cấp điện (Tuấn) 4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	

ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 Trang bị điện (Nga) 3	Cung cấp điện (Tuấn) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn) 4		
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	Kỹ thuật điện tử (Dương) 4		
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> 1 Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 4	An toàn điện (Hoà) 4	Tiếng anh (Phiên) 4	Mạch điện (Huyền) 4	Tiếng anh (Phiên) 4	
	Chiều				Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		
ĐCN65A2 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> 1 Tiếng anh (T.Nhung) 4	Mạch điện (Huyền) 4	Vật liệu điện (N.Đức) 4	Vật liệu điện (N.Đức) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	
	Chiều				Pháp luật (Huyền) 4		
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> 1 An toàn điện (Hoà) 4	Vẽ Kỹ thuật điện (N.Đức) 4	Vật liệu điện (Huân) 4	Mạch điện (Dương) 4	Mạch điện (Dương) 4	
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> 1 Tiếng anh (Linh) 4	Vật liệu điện (P.Anh) 4	Mạch điện (Dương) 4	Tin học (Phương) 4	Tiếng anh (Linh) 4	
	Chiều				Tiếng anh (Linh) 4		
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1 Tiếng anh (K.Nhung) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh) 4	Khí cụ điện (Nga) 4	Mạch điện (Huyền) 4	
	Chiều				Mạch điện (Huyền) 4		
TL64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 KTTC Công trình TL (N.Đức) 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà) 4	KTTC Công trình TL (N.Đức) 4	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà) 4		
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 Cơ kỹ thuật (Huyền) 4	Vật liệu (N.Đức) 4	Cơ kỹ thuật (Huyền) 4	KT an toàn lao động (Hoà) 4	KT an toàn lao động (Hoà) 4	
	Chiều						
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> 1 Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai) 3	KTNS xã phường (T.Thảo) 4	Kế toán DN2 (Dung) 4	Kế toán DN2 (Dung) 4		
KTDN65B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 Lý thuyết KT (T.Thảo) 4	Nguyên lý thống kê (Mai) 4	Lý thuyết KT (T.Thảo) 4	Kinh tế vi mô (Thụy) 4	Kỹ năng mềm (Dung) 4	
	Chiều						
CBBQ64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 CB nước mắm (Liên) 3	CB lạnh đông thủy sản (Năm) 3	SX sạch hơn (Năm) 3	CB nước mắm (Liên) 3		

CBBQ65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 Vi sinh vật TP (Liên) 4	Vi sinh vật TP (Liên) 4	Hoá sinh học TP (Năm) 4	Hoá sinh học TP (Năm) 4	Vi sinh vật TP (Liên) 4
	Chiều					
KTMTT64	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1 Khai thác máy phụ TT (Đồng) 3	Khai thác máy phụ TT (Đồng) 3	Khai thác máy phụ TT (Đồng) 3	Khai thác máy phụ TT (Đồng) 3	
KTMTT65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1 Cơ kỹ thuật (Huyền) 4	MT và BVMT (Ánh) 4	Cơ kỹ thuật (Huyền) 4	Dung sai và KT đo (Đồng) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4
	Chiều					
NTTS64	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 Sản xuất giống cua biển (Ánh) 3	SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh) 3	SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh) 3	SX giống tôm thẻ chân trắng (Ánh) 3	
ĐKTB65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> 1 ATLĐ hàng hải (Ánh) 4	TT liên lạc hàng hải (Tiến) 4	TT liên lạc hàng hải (Tiến) 4	ATLĐ hàng hải (Ánh) 4	Vẽ kỹ thuật (Trung) 4
	Chiều					
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN						
THỨ LỚP		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật
TT64A2	Sáng			<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 Bệnh cây CK (Hương) 4	Phòng trừ dịch hại (Lịch) 4	
	Chiều			Chế biến bảo quản sau thu hoạch (Huyền) 4	Cây rau (Huệ) 4	
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng	Cây công nghiệp (Thọ) 4		<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i> 1 Côn trùng chuyên khoa (Huệ) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	
	Chiều			Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4	
CN64A2 CN65A2 P.B205	Sáng	VSV - TN (Phượng) 4		<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> 1 VSV - TN (Phượng) 4	Dược lý thú y (Duyên) 4	
	Chiều			Dược lý thú y (Duyên) 4	KTTG (Vân) 4	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 03/11/2025 đến ngày 09/11/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	<i>HĐTN (Nhưng)</i> 1 Toán (Nhưng) 3	Ngữ văn (Hằng) 2 Hoá học (Doan) 2	Địa lý (Thuý) 2 Ngữ văn (Hằng) 2	GDKT và PL (Đ. Thuý) 4	<i>Lịch sử (Hà)</i> 4
	Chiều		<i>Toán (Nhưng)</i> 4	<i>Ngữ văn (Hằng)</i> 4	<i>GDKT và PL (Đ. Thuý)</i> 4	
VH63B3 P.B302	Sáng	<i>HĐTN (Hà)</i> 1 Hóa học (Hà) 3	Sinh học (Phượng) 2 GDKT và PL (Quế) 2	Lịch sử (Dự) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4
	Chiều		<i>Ngữ văn (Hằng)</i> 4	<i>Toán (Lan Anh)</i> 4	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	
VH63B4 P.B303	Sáng	<i>HĐTN (Dự)</i> 1 CD Lịch sử (Dự) 3	Ngữ văn (H.Hà) 2 Địa lý (Duyên) 2	Toán (Nhưng) 4	Sinh học (Phượng) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2
	Chiều		<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 4	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	<i>Toán (Nhưng)</i> 4	
VH63B6 P.B304	Sáng	GDKT và PL (Tài) 1 Ngữ văn (Hường) 2 <i>HĐTN (Hoà)</i> 1	Vật lý (Hoà) 2 Toán (Nhưng) 2	Địa lý (Duyên) 2 Ngữ văn (Hường) 2	Hoá học (Vân) 2 GDKT và PL (Tài) 2	Lịch sử (Lý) 2 Toán (Nhưng) 2
	Chiều	<i>Toán (Nhưng)</i> 4	<i>GDKT và PL (Tài)</i> 4	<i>Ngữ văn (Hường)</i> 4		
VH63B7 P.B305	Sáng	<i>HĐTN (Nga)</i> 1 Ngữ văn (H.Hà) 3	Toán (Quý) 4	Vật lý (Hoà) 2 Hoá học (Vân) 2	Địa lý (Ngọc) 2 Ngữ văn (H.Hà) 2	Địa lý (Ngọc) 2 Lịch sử (Lý) 2
	Chiều	<i>Ngữ văn (H.Hà)</i> 4	<i>GDKT và PL (Nga)</i> 4	<i>Địa lý (Ngọc)</i> 4		
VH63B8 P.B301	Sáng	<i>HĐTN (K.Nhung)</i> 1 Sinh học (Phượng) 3	Địa lý (Duyên) 2 Vật lý (Hoà) 2	GDKT và PL (Quyên) 2 Địa lý (Duyên) 2	Lịch sử (Dự) 2 Sinh học (Phượng) 2	Ngữ văn (Hường) 4
	Chiều	<i>Lịch sử (Dự)</i> 4	<i>GDKT và PL (Quyên)</i> 4		<i>Toán (Quý)</i> 4	
VH64B1	Sáng	<i>HĐTN (Hằng)</i> 1 Ngữ văn (Hằng) 3	Hoá học (Doan) 2 Vật lý (Dịu) 2	Ngữ văn (Hằng) 2 Địa lý (Thuý) 2	Toán (Nhưng) 4	GDKT và PL (Thuý) 4

VH64B3 P.B306	Sáng	HĐTN (Vân) CĐ GDKT và PL (Quyên)	1 3	Toán (Dương) Ngữ văn (Hường)	2 2	Ngữ văn (Hường) Vật lý (Hoà)	2 2	Vật lý (Hoà) Hóa học (Vân)	2 2	Toán (Dương) Hoá học (Vân)	2 2
VH64B4 P.E201	Sáng	HĐTN (H.Nga) Vật lý (Trung)	1 3			Ngữ văn (Hà)	4	GDKT và PL (Thắm) Hoá học (Hà)	2 2	Toán (Nhưng) Hoá học (Hà)	2 2
VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Hoà) CĐ Vật lý (Hoà)	1 2			Hoá học (Hà) Toán (Dương)	2 2	Địa lý (Phương) Vật lý (Hoà)	2 2	Hoá học (Hà) Toán (Dương)	2 2
VH64B6 P. E203	Sáng	HĐTN (H. Hà) CĐ Địa lý (Duyên)	1 3	CĐ Lịch sử (Hằng) Hoá học (Hà)	2 2	Sinh học (Phượng) Hoá học (Hà)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Toán (Quý)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2
VH64B8 P.E204	Sáng	HĐTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3	GDKT và PL (Tài) Sinh học (Phượng)	2 2	GDKT và PL (Tài) Địa lý (Phương)	2 2	Toán (Lan Anh) CĐ Lịch sử (Dư)	2 2		
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý) Toán (Hương)	1 3	Địa lý (Thuý)	4	Hoá học (Doan)	4	Vật lý (Dịu) Toán (Hương)	2 2		
VH65B2 P.E301	Chiều	HĐTN (Quyên) GDKT và PL (Quyên)	1 3	CĐ Lịch sử (Dư) Hóa học (Hà)	2 2	Hóa học (Hà) Ngữ văn (H.Hà)	2 2				
VH65B3 P.E303	Chiều	HĐTN (Quý) Toán (Quý)	1 3	Địa lý (Phương) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Toán (Quý) GDKT và PL (Thắm)	2 2				
VH65B4 P.E204	Chiều	HĐTN (Mạnh) GDKT và PL (Nga)	1 3	Toán (Quý)	4	Vật lý (Trung) Toán (Quý)	2 2				
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN Toán (Dương)	1 3			Địa lý (Duyên) Sinh học (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Hà) Toán (Dương)	2 2		
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) GDKT và PL (Thắm)	1 3	GDKT và PL (Thắm) Toán (Lan Anh)	2 2			Vật lý (Trung) Sinh học (Phượng)	2 2		
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Toán (Lan Anh) Vật lý (Trung)	2 2			Sinh học (Phượng) GDKT và PL (Nga)	2 2		

VH65B8 P.B202	Chiều	HDTN (Hường) Hóa học (Hà)	1 3	Địa lý (Duyên) Ngữ văn (Hường)	2 2	Sinh học (Phượng) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Hoá học (Hà) Ngữ văn (Hường)	2 2	
VH65B9 P.B203	Chiều	HDTN (Hong) Toán (Lan Anh)	1 3	Hoá học (Hà) Địa lý (Phuong)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Hoá học (Hà)	2 2	Sinh học (Hong) Hoá học (Hà)	2 2	
VH65B10 P.B103	Chiều	HDTN (Thắm) Sinh học (Hong)	1 3	Vật lý (Hoà) Toán (Dương)	2 2	Toán (Dương)	4	Ngữ văn (Lý)	4	
VH65B11 P.E101	Chiều	HDTN (Quế) CĐ Lịch sử (Hằng)	1 3	Toán (Dương) Địa lý (Nga)	2 2	GDKT và PL (Quế)	4	GDKT và PL (Quế) Ngữ văn (Hà)	2 2	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đoàn Văn Lưu

|